

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra riêng)

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng

Câu 1: Dựa vào bảng số liệu

Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của một số nước Đông Nam Á (%)

Quốc gia	Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	1980	2000	1980	2000	1980	2000
Cam-pu-chia	55,6	37,1	11,2	20,5	33,2	42,4
Lào	61,2	52,9	14,5	22,8	24,3	24,3
Phi-lip-pin	25,1	16,0	38,8	31,1	36,1	52,9
Thái Lan	23,2	10,5	28,7	40,0	48,1	49,5

Qua bảng số liệu ta thấy được Thái Lan có tỉ trọng ngành công nghiệp

- A. tăng 11,3%. B. tăng 9,3% C. tăng 8,3%. D. tăng 16,8%.

Câu 2: Từ kinh tuyến phía Tây (102°Đ) tới kinh tuyến phía Đông (117°Đ), nước ta mở rộng bao nhiêu độ kinh tuyến và chênh nhau bao nhiêu phút đồng hồ (cho biết mỗi độ kinh tuyến chênh nhau 4 phút)?

- A. Nước ta mở rộng 15 độ kinh tuyến chênh nhau 60 phút đồng hồ.
B. Nước ta mở rộng 15 độ kinh tuyến chênh nhau 1h02'.
C. Nước ta mở rộng 15,5 độ kinh tuyến chênh nhau 60 phút đồng hồ.
D. Nước ta mở rộng 15,5 độ kinh tuyến chênh nhau 1h02'.

Câu 3: Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam ở vị trí trung tâm, tiêu biểu cho khu vực về nhiều mặt

- A. tự nhiên, khí hậu, văn hóa. B. tự nhiên, văn hóa, xã hội.
C. tự nhiên, lịch sử, văn hóa. D. tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Câu 4: Giả sử Hà Nội ($105^{\circ}50'\text{Đ}$) là 15h30, vậy lúc đó nơi xa nhất của quần đảo Trường Sa ($117^{\circ}20'\text{Đ}$) là mấy giờ (biết rằng mỗi khu vực giờ là 15 kinh độ)?

- A. 16h10' B. 16h16'08'' C. 17h10' D. 17h08'

Câu 5: Thiên tai thường gặp ở vùng biển nước ta

- A. hạn hán. B. núi lửa. C. lũ lụt. D. bão nhiệt đới.

Câu 6: Công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội của nước ta được triển khai từ năm nào?

- A. 1996 B. 1977. C. 1986 D. 1995

Câu 7: Một số mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn ở Việt Nam

- A. dầu khí, than, sắt, uranium. B. than, dầu khí, apatit, đá vôi.
C. vàng, kim cương, dầu mỏ. D. đất hiếm, sắt, than, đồng.

Câu 8: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1997 B. 1967 C. 1984 D. 1995

Câu 9: Đặc điểm nào của biển Đông làm cho khí hậu nước ta có nhiều đặc tính khí hậu hải dương?

- A. Biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
B. Biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.
C. Biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.
D. Biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.

Câu 10: Vì sao vị trí địa lý nước ta có tính chiến lược trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới?

A. Gần trung tâm khu vực Đông Nam Á và châu Á.

B. Cầu nối Đông Nam Á đất liền với Đông Nam Á biển đảo, nối lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtray-li-a và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.

C. Trung tâm khu vực Đông Nam Á, có vùng biển rộng lớn và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.

D. Có vùng biển rộng lớn, là cầu nối lục địa Á-Âu với lục địa Ôxtraylia và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.

Câu 11: Biển nước ta rất lắm bão, gây khó khăn, nguy hiểm cho giao thông, cho hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân ở vùng ven biển, nhất là vùng biển nào?

A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 12: Nhận định sau đây nói về điểm cực nào của Tổ quốc?

“Nơi có ngọn núi Khoan La San, ngã ba biên giới Việt- Trung- Lào, nơi một tiếng gà gáy cả ba nước đều nghe”

A. Cực Nam B. Cực Tây C. Cực Bắc D. Cực Đông

Câu 13: Nhận xét nào sau đây đúng và đầy đủ về tài nguyên khoáng sản của nước ta?

A. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản.

B. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản nhưng chủ yếu là các khoáng sản có trữ lượng vừa và nhỏ.

C. Việt Nam là một quốc gia nghèo tài nguyên khoáng sản, nhưng có một số mỏ khoáng sản với trữ lượng lớn.

D. Tài nguyên khoáng sản nước ta phân bố rộng khắp trên cả nước.

Câu 14: Nhận định sau đây nói về điểm cực nào của Tổ quốc?

“Lá cờ tung bay trên đỉnh ngọn núi Rồng: Lũng Cú- Đồng Văn – Hà Giang”

A. Cực Đông B. Cực Tây C. Cực Nam D. Cực Bắc

Câu 15: Dựa vào bảng số liệu

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á năm 2001(Đơn vị: USD)

Nước	GDP/người	Nước	GDP/người	Nước	GDP/người
Bru-nây	12 300	Lào	317	Thái Lan	1 870
Cam-pu-chia	280	Ma-lai-xia	3 680	Việt Nam	415
In-đô-nê-xia	680	Phi-lip-pin	930	Xin-ga-po	20 740

- Dựa vào bảng số liệu ta thấy GDP/người của Xin-ga-po gấp Việt Nam

A. gần 50 lần B. 74 lần C. 30,5 lần D. 65,4 lần

Câu 16: Lãnh thổ Việt Nam gồm bộ phận

A. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các quần đảo.

B. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các đảo.

C. phần đất liền, vùng biển và các đảo.

D. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các đảo và quần đảo.

Câu 17: Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là

A. Vịnh Nha Trang B. Vịnh Vân Phong C. Vịnh Hạ Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 18: Khoáng sản là tài nguyên

A. vô tận B. có thể tái tạo được. C. không thể phục hồi D. không cần sử dụng hợp lý.

Câu 19: Việt Nam gần với châu lục và đại dương nào?

A. Châu Á và Thái Bình Dương.

B. Châu Đại Dương và Thái Bình Dương.

C. Châu Á và Ấn Độ Dương.

D. Châu Đại Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 20: Chế độ thủy triều của vịnh Bắc Bộ thuộc loại

A. bán nhật triều đều

B. nhật triều không đều

C. bán nhật không đều triều đều

D. nhật triều đều

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): *Biển đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta?*

Câu 2 (2 điểm): Cho bảng số liệu

Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam năm 1990 và năm 2000
(đơn vị %)

Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
1990	2000	1990	2000	1990	2000
38,74	24,30	22,67	36,61	38,59	39,09

Qua bảng số liệu em có nhận xét sự chuyển dịch hướng của các ngành từ năm 1999 đến năm 2000

-----Chúc các em làm bài tốt-----

(Học sinh làm bài vào kiểm tra riêng)

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng

Câu 1: Thiên tai thường gặp ở vùng biển nước ta

- A. bão nhiệt đới. B. lũ lụt. C. hạn hán. D. núi lửa.

Câu 2: Vì sao vị trí địa lí nước ta có tính chiến lược trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới?

- A. Gần trung tâm khu vực Đông Nam Á và châu Á.
B. Trung tâm khu vực Đông Nam Á, có vùng biển rộng lớn và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.
C. Có vùng biển rộng lớn, là cầu nối lục địa Á-Âu với lục địa Ôxtraylia và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.

D. Cầu nối Đông Nam Á đất liền với Đông Nam Á biển đảo, nối lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtray-li-a và gần đường hàng hải, hàng không quốc tế.

Câu 3: Từ kinh tuyến phía Tây (102°Đ) tới kinh tuyến phía Đông (117°Đ), nước ta mở rộng bao nhiêu độ kinh tuyến và chênh nhau bao nhiêu phút đồng hồ (cho biết mỗi độ kinh tuyến chênh nhau 4 phút)?

- A. Nước ta mở rộng 15 độ kinh tuyến chênh nhau 60 phút đồng hồ.
B. Nước ta mở rộng 15 độ kinh tuyến chênh nhau 1h02'.
C. Nước ta mở rộng 15,5 độ kinh tuyến chênh nhau 60 phút đồng hồ.
D. Nước ta mở rộng 15,5 độ kinh tuyến chênh nhau 1h02'.

Câu 4: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1984 B. 1967 C. 1997 D. 1995

Câu 5: Chế độ thủy triều của vịnh Bắc Bộ thuộc loại

- A. bán nhật không đều triều đều B. bán nhật triều đều
C. nhật triều không đều D. nhật triều đều

Câu 6: Giả sử Hà Nội ($105^{\circ}50'\text{Đ}$) là 15h30, vậy lúc đó nơi xa nhất của quần đảo Trường Sa ($117^{\circ}20'\text{Đ}$) là mấy giờ (biết rằng mỗi khu vực giờ là 15 kinh độ)?

- A. 16h10' B. 16h16'08" C. 17h10' D. 17h08'

Câu 7: Đặc điểm nào của biển Đông làm cho khí hậu nước ta có nhiều đặc tính khí hậu hải dương?

- A. Biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.
B. Biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
C. Biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.
D. Biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.

Câu 8: Nhận xét nào sau đây đúng và đầy đủ về tài nguyên khoáng sản của nước ta?

- A. Tài nguyên khoáng sản nước ta phân bố rộng khắp trên cả nước.
B. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản.
C. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản nhưng chủ yếu là các khoáng sản có trữ lượng vừa và nhỏ.
D. Việt Nam là một quốc gia nghèo tài nguyên khoáng sản, nhưng có một số mỏ khoáng sản với trữ lượng lớn.

Câu 9: Lãnh thổ Việt Nam gồm bộ phận

- A. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các đảo.
B. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các quần đảo.

C. phần đất liền, vùng biển và các đảo.

D. phần đất liền, vùng trời, vùng biển, các đảo và quần đảo.

Câu 10: Nhận định sau đây nói về điểm cực nào của Tổ quốc?

“ Lá cờ tung bay trên đỉnh ngọn núi Rồng: Lũng Cú- Đồng Văn – Hà Giang”

A. Cực Tây

B. Cực Bắc

C. Cực Nam

D. Cực Đông

Câu 11: Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam ở vị trí trung tâm, tiêu biểu cho khu vực về nhiều mặt

A. tự nhiên, khí hậu, văn hóa.

B. tự nhiên, văn hóa, xã hội.

C. tự nhiên, lịch sử, văn hóa.

D. tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Câu 12: Việt Nam gắn với châu lục và đại dương nào?

A. Châu Á và Ấn Độ Dương.

B. Châu Á và Thái Bình Dương.

C. Châu Đại Dương và Thái Bình Dương.

D. Châu Đại Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 13: Dựa vào bảng số liệu

Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của một số nước Đông Nam Á (%)

Quốc gia	Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	1980	2000	1980	2000	1980	2000
Cam-pu-chia	55,6	37,1	11,2	20,5	33,2	42,4
Lào	61,2	52,9	14,5	22,8	24,3	24,3
Phi-lip-pin	25,1	16,0	38,8	31,1	36,1	52,9
Thái Lan	23,2	10,5	28,7	40,0	48,1	49,5

Qua bảng số liệu ta thấy được Thái Lan có tỉ trọng ngành công nghiệp

A. tăng 16,8%.

B. tăng 9,3%

C. tăng 8,3%.

D. tăng 11,3%.

Câu 14: Dựa vào bảng số liệu

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á năm 2001(Đơn vị: USD)

Nước	GDP/người	Nước	GDP/người	Nước	GDP/người
Bru-nây	12 300	Lào	317	Thái Lan	1 870
Cam-pu-chia	280	Ma-lai-xia	3 680	Việt Nam	415
In-đô-nê-xia	680	Phi-lip-pin	930	Xin-ga-po	20 740

- Dựa vào bảng số liệu ta thấy GDP/người của Xin-ga-po gấp Việt Nam

A. gần 50 lần

B. 30,5 lần

C. 74 lần

D. 65,4 lần

Câu 15: Công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội của nước ta được triển khai từ năm nào?

A. 1986

B. 1977.

C. 1995

D. 1996

Câu 16: Nhận định sau đây nói về điểm cực nào của Tổ quốc?

“ Nơi có ngọn núi Khoan La San, ngã ba biên giới Việt- Trung- Lào, nơi một tiếng gà gáy cả ba nước đều nghe”

A. Cực Nam

B. Cực Tây

C. Cực Bắc

D. Cực Đông

Câu 17: Khoáng sản là tài nguyên

A. không thể phục hồi

B. có thể tái tạo được.

C. vô tận

D. không cần sử dụng hợp lý.

Câu 18: Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là

A. Vịnh Nha Trang

B. Vịnh Vân Phong

C. Vịnh Hạ Long

D. Vịnh Cam Ranh

Câu 19: Một số mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn ở Việt Nam

A. dầu khí, than, sắt, uranium.

B. đất hiếm, sắt, than, đồng.

C. than, dầu khí, apatit, đá vôi.

D. vàng, kim cương, dầu mỏ.

Câu 20: Tài nguyên thiên nhiên vùng biển có ý nghĩa lớn nhất đối với đời sống của cư dân ven biển là:

- A. Tài nguyên du lịch biển.
C. Tài nguyên hải sản.

- B. Tài nguyên khoáng sản.
D. Tài nguyên điện gió.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Vì sao cần phải bảo vệ tài nguyên môi trường biển?

Câu 2 (2 điểm): Cho bảng số liệu

Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam năm 1990 và năm 2000
(đơn vị %)

Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
1990	2000	1990	2000	1990	2000
38,74	24,30	22,67	36,61	38,59	39,09

Qua bảng số liệu em có nhận xét sự chuyển dịch hướng của các ngành từ năm 1999 đến năm 2000

-----Chúc các em làm bài tốt-----



Mã đề thi: 901

MÔN ĐỊA LÍ 9

(Đề thi có 04 trang)

Tiết theo KHDH: 45 - Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng.

Câu 1: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

- A. sản xuất vật liệu xây dựng
- B. công nghiệp cơ khí
- C. sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 2: Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng ĐBSCL là:

- A. Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng
- B. Gạo, hàng may mặc, nông sản
- C. Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả
- D. Gạo, hàng tiêu dùng, hàng thủ công

Câu 3: Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.
- B. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước
- C. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước
- D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước

Câu 4: Năm 2002, diện tích trồng cây ăn quả của Đồng bằng sông Cửu Long là 189 700 ha, bằng bao nhiêu % diện tích trồng lúa? (biết rằng năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha).

- A. 4,49%.
- B. 2021,5%.
- C. 49,4%.
- D. 4,94%.

Câu 5: Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

- A. Nghề rừng.
- B. Giao thông.
- C. Du lịch.
- D. Thuỷ hải sản.

Câu 6: Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh ở các tỉnh:

- A. Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.
- B. Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh. Cần Thơ
- C. Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.
- D. Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

Câu 7: Một trong 4 ngư trường trọng điểm nào của nước ta thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Hải Phòng- Quảng Ninh.
- B. Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.
- C. Ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Câu 8: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là:

- A. Dệt – may, da- giày, gốm sứ
- B. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao
- C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí
- D. Dầu khí, phân bón, năng lượng

Câu 9: Trung tâm kinh tế lớn nhất ở ĐBSCL là.

A. Thành phố Mỹ Tho.

B. Thành phố Cao Lãnh.

C. Thành phố Cà Mau.

D. Thành phố Cần Thơ.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

A. Quốc lộ 14 và 20.

B. Quốc lộ 13 và 14.

C. Quốc lộ 1 và 14.

D. Quốc lộ 1 và 13.

Câu 11: Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều nhất là

A. Đồng Tháp, Cà Mau.

B. Kiên Giang, Cà Mau

C. Kiên Giang, Sóc Trăng.

D. Vĩnh Long, Trà Vinh

Câu 12: Loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

A. Bôxít

B. dầu khí

C. sét

D. cao lanh

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Hoa Lư.

B. Xa Mát.

C. Đồng Tháp.

D. Mộc Bài.

Câu 14: Nội dung nào không thể hiện đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của Đông Nam Bộ?

A. Phần lớn các ngành đều sử dụng nguyên liệu nhập khẩu.

B. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại

C. Có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất nước ta

D. Cơ cấu công nghiệp đa dạng nhất nước ta.

Câu 15: Một số vấn đề bức xúc nhất hiện nay của Đông Nam Bộ là

A. nghèo tài nguyên

B. dân cư đông

C. ô nhiễm môi trường

D. thu nhập thấp

Câu 16: Năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha, chiếm bao nhiêu % diện tích trồng lúa của cả nước? (biết rằng năm 2002, diện tích trồng lúa của cả nước là 7 504 300 ha).

A. 50,1%.

B. 195,7%.

C. 49,1%.

D. 51,1%.

Câu 17: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có sản phẩm xuất khẩu chủ lực của nước ta là:

A. Than.

B. Cà phê.

C. Dầu khí.

D. Gạo.

Câu 18: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cây công nghiệp lâu năm được chuyên môn hoá hàng đầu ở Đông Nam Bộ là

A. cà phê

B. hồ tiêu

C. cao su

D. chè

Câu 19: Năm 2002, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,7 triệu tấn, chiếm bao nhiêu % sản lượng lúa của cả nước? (biết rằng năm 2002, sản lượng lúa của cả nước là 34,4 triệu tấn).

A. 52,45%.

B. 51,45%.

C. 45,51%.

D. 194,35%.

Câu 20: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, ĐBSCL có diện tích khoảng

A. 20 000 km²

B. 30 000 km²

C. 40 000 km²

D. 50 000 km²

Câu 21: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở ĐBSCL là :

A. Thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn lần sâu

B. Nguy cơ cháy rừng, đất nhiễm mặn nhiễm phèn.

C. Triều cường, ô nhiễm môi trường.

D. Đất nhiễm mặn nhiễm phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

Câu 22: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là:

A. Đất phù sa ngọt.

B. Đất cát ven biển

C. Đất phèn

D. Đất mặn.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên các trung tâm công nghiệp có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.
- B. Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
- C. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa.

Câu 24: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là:

- A. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường
- B. Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- C. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)
- D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa, hãy cho biết hai loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ ?

- A. Đất phù sa và đất feralit
- B. Đất xám và đất phù sa
- C. Đất badan và đất xám.
- D. Đất badan và đất feralit

Câu 26: Nội dung nào sau đây không đúng với vị trí Đông Nam Bộ?

- A. Cầu nối giữa đất liền với biển Đông.
- B. Cầu nối Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Vùng duy nhất không có biển .
- D. Là đầu mối giao thông vận tải quan trọng phía Nam.

Câu 27: Dựa vào bản số liệu hayc rút ra nhận xét về sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (nghìn tấn)

Năm	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,8	2250,5	2467,4

Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước chiếm tỉ lệ các năm 1995 và 2002 lần lượt là:

- A. 51,7% và 54,9%
- B. 57,1% và 51,1%
- C. 57,1 % và 52,1%.
- D. 51,7% và 51,1%.

Câu 28: Đặc điểm không đúng với vùng Đông Nam Bộ là :

- A. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- B. Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao
- C. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.
- D. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

Câu 29: Năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha. Sản lượng lúa đạt 17,7 triệu tấn. Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tấn/ ha?

- A. 4,61 tấn/ha.
- B. 0,21 tấn/ ha.
- C. 61.4 tấn/ ha.
- D. 5,61 tấn / ha.

Câu 30: Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

- A. Đất, rừng.
- B. Khí hậu, nước.
- C. Biển và hải đảo.
- D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 31: Tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức :

- A. 30 %
- B. 50 %
- C. 40 %
- D. 10 %

Câu 32: Năm 2002, sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long là 1 354 500 tấn, chiếm bao nhiêu % sản lượng thủy sản của cả nước? (biết rằng năm 2002, sản lượng thủy sản của cả nước đạt 2 647 400 tấn).

- A. 195,45%.
- B. 16,51%.
- C. 51,16%.
- D. 15,16%.



Câu 33: Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là:

- A. Đà Lạt
- B. TP Hồ Chí Minh.
- C. Nha Trang
- D. Vũng Tàu

Câu 34: Điều không phải là điều kiện tự nhiên để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

- A. Tiếp giáp vùng biển rộng có nguồn lợi hải sản phong phú, có ngư trường trọng điểm Cà Mau - Kiên Giang.
- B. Khí hậu cận xích đạo, thời tiết ít biến động.
- C. Bờ biển dài (hơn 700 km) có nhiều cửa sông, bãi triều, rừng ngập mặn. Nội địa có nhiều mặt nước của sông rạch, ao, hồ thích hợp.
- D. Nguồn lao động đông và năng động, dân cư có truyền thống, nhiều kinh nghiệm nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản.

Câu 35: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ rừng đầu nguồn
- B. phân bón
- C. phòng chống sâu bệnh
- D. thủy lợi

Câu 36: Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

- A. dịch vụ
- B. công nghiệp xây dựng
- C. nông, lâm, ngư nghiệp
- D. khai thác dầu khí

Câu 37: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất của cả nước với diện tích và sản lượng chiếm bao nhiêu của cả nước?

- A. 51,1% diện tích và 51,4% sản lượng
- B. 51,4% diện tích và 51,1% sản lượng.
- C. 54,4% diện tích và 51,4% sản lượng
- D. 51,1% diện tích và 54,4% sản lượng

Câu 38: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là :

- A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)
- B. Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- C. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái
- D. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

Câu 39: Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số của Đông Nam Bộ qua các năm 2011 và 2016

Các năm	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
2011	23.597,9	14.799,6
2016	23.552,6	16.424,3

Dựa vào số liệu ta biết được mật độ dân số của Đông Nam Bộ lần lượt là

- A. 627,2 và 697,3
- B. 641,2 và 669,0
- C. 641,2 và 697,0
- D. 627,2 và 655,3

Câu 40: Nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?

- A. Sông Sài Gòn.
- B. Sông Bé.
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Xê Xan.

----- Chúc các em làm bài tốt -----



(Đề thi có 05 trang)

MÔN ĐỊA LÍ 9

Tiết theo KHDH: 45 - Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng.

Câu 1: Dựa vào Atlas Địa, hãy cho biết hai loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ ?

- A. Đất phù sa và đất feralit
- B. Đất badan và đất feralit
- C. Đất xám và đất phù sa
- D. Đất badan và đất xám.

Câu 2: Một số vấn đề bức xúc nhất hiện nay của Đông Nam Bộ là

- A. ô nhiễm môi trường
- B. nghèo tài nguyên
- C. thu nhập thấp
- D. dân cư đông

Câu 3: Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước
- B. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước
- C. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.
- D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước

Câu 4: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cây công nghiệp lâu năm được chuyên môn hoá hàng đầu ở Đông Nam Bộ là

- A. cao su
- B. cà phê
- C. chè
- D. hồ tiêu

Câu 5: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, ĐBSCL có diện tích khoảng

- A. 20 000 km²
- B. 50 000 km²
- C. 40 000 km²
- D. 30 000 km²

Câu 6: Một trong 4 ngư trường trọng điểm nào của nước ta thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Hải Phòng- Quảng Ninh.
- B. Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.
- C. Ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Câu 7: Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng ĐBSCL là:

- A. Gạo, hàng may mặc, nông sản
- B. Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng
- C. Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả
- D. Gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công

Câu 8: Trung tâm kinh tế lớn nhất ở ĐBSCL là.

- A. Thành phố Mỹ Tho.
- B. Thành phố Cao Lãnh.
- C. Thành phố Cà Mau.
- D. Thành phố Cần Thơ.

Câu 9: Đâu không phải là điều kiện tự nhiên để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển ngành nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

- A. Khí hậu cận xích đạo, thời tiết ít biến động.
- B. Bờ biển dài (hơn 700 km) có nhiều cửa sông, bãi triều, rừng ngập mặn. Nội địa có nhiều mặt nước của sông rạch, ao, hồ thích hợp.
- C. Tiếp giáp vùng biển rộng có nguồn lợi hải sản phong phú, có ngư trường trọng điểm Cà Mau - Kiên Giang.

D. Nguồn lao động đông và năng động, dân cư có truyền thống, nhiều kinh nghiệm nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản.

Câu 10: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đồng Nam Bộ là

- A. phân bón
- B. thủy lợi
- C. phòng chống sâu bệnh
- D. bảo vệ rừng đầu nguồn

Câu 11: Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

- A. Đất, rừng.
- B. Khí hậu, nước.
- C. Biển và hải đảo.
- D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây không thuộc vùng Đồng Nam Bộ?

- A. Hoa Lư.
- B. Xa Mát.
- C. Đồng Tháp.
- D. Mộc Bài.

Câu 13: Nội dung nào không thể hiện đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của Đồng Nam Bộ?

- A. Phần lớn các ngành đều sử dụng nguyên liệu nhập khẩu.
- B. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại
- C. Có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất nước ta
- D. Cơ cấu công nghiệp đa dạng nhất nước ta.

Câu 14: Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh ở các tỉnh:

- A. Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.
- B. Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ
- C. Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.
- D. Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

Câu 15: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có sản phẩm xuất khẩu chủ lực của nước ta là:

- A. Gạo.
- B. Dầu khí.
- C. Cà phê.
- D. Than.

Câu 16: Dựa vào bản số liệu hayc rút ra nhận xét về sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (nghìn tấn)

Năm	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,8	2250,5	2467,4

Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước chiếm tỉ lệ các năm 1995 và 2002 lần lượt là:

- A. 57,1% và 51,1%
- B. 51,7% và 54,9%
- C. 57,1 % và 52,1%.
- D. 51,7% và 51,1%.

Câu 17: Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

- A. Nghề rừng.
- B. Giao thông.
- C. Du lịch.
- D. Thuỷ hải sản.

Câu 18: Năm 2002, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,7 triệu tấn, chiếm bao nhiêu % sản lượng lúa của cả nước? (biết rằng năm 2002, sản lượng lúa của cả nước là 34,4 triệu tấn).

- A. 52,45%.
- B. 51,45%.
- C. 45.51%.
- D. 194,35%.

Câu 19: Trong các tiêu chí phát triển, tiêu chí nào Đông Nam Bộ thấp hơn so với cả nước ?

- A. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.
- B. Thu nhập bình quân đầu người
- C. Tỷ lệ dân thành thị
- D. Mật độ dân số.

Câu 20: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là :

- A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)
- B. Ít khoáng sản, rừng và tầng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- C. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái
- D. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên các trung tâm công nghiệp có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh.
- B. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa.
- C. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.
- D. Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

Câu 22: Loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. sét
- B. cao lanh
- C. dầu khí
- D. Bôxit

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

- A. Quốc lộ 1 và 13.
- B. Quốc lộ 1 và 14.
- C. Quốc lộ 14 và 20.
- D. Quốc lộ 13 và 14.

Câu 24: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

- A. sản xuất vật liệu xây dựng
- B. công nghiệp cơ khí
- C. sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 25: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là:

- A. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường
- B. Ít khoáng sản, rừng và tầng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- C. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)
- D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 26: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là:

- A. Đất cát ven biển
- B. Đất phù sa ngọt.
- C. Đất mặn.
- D. Đất phèn

Câu 27: Năm 2002, diện tích trồng cây ăn quả của Đồng bằng sông Cửu Long là 189 700 ha, bằng bao nhiêu % diện tích trồng lúa? (biết rằng năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha).

- A. 4,49%.
- B. 2021,5%.
- C. 4,94%.
- D. 49,4%.

Câu 28: Năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha. Sản lượng lúa đạt 17,7 triệu tấn. Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tấn/ ha?



- A. 4,61 tấn/ha. B. 0,21 tấn/ ha. C. 61.4 tấn/ ha. D. 5,61 tấn / ha.

Câu 29: Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều nhất là

- A. Đồng Tháp, Cà Mau. B. Vĩnh Long, Trà Vinh
C. Kiên Giang, Sóc Trăng. D. Kiên Giang, Cà Mau

Câu 30: Tỷ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức :

- A. 30 % B. 10 % C. 40 % D. 50 %

Câu 31: Năm 2002, sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long là 1 354 500 tấn, chiếm bao nhiêu % sản lượng thủy sản của cả nước? (biết rằng năm 2002, sản lượng thủy sản của cả nước đạt 2 647 400 tấn).

- A. 195,45%. B. 51,16%. C. 15,16%. D. 16,51%.

Câu 32: Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là:

- A. Đà Lạt B. TP Hồ Chí Minh.
C. Nha Trang D. Vũng Tàu

Câu 33: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở ĐBSCL là :

- A. Nguy cơ cháy rừng, đất nhiễm mặn nhiễm phèn.
B. Thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn lấn sâu
C. Triều cường, ô nhiễm môi trường.
D. Đất nhiễm mặn nhiễm phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

Câu 34: Nội dung nào sau đây không đúng với vị trí Đông Nam Bộ?

- A. Cầu nối Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Là đầu mối giao thông vận tải quan trọng phía Nam.
C. Cầu nối giữa đất liền với biển Đông.
D. Vùng duy nhất không có biển

Câu 35: Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

- A. dịch vụ B. công nghiệp xây dựng
C. nông, lâm, ngư nghiệp D. khai thác dầu khí

Câu 36: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất của cả nước với diện tích và sản lượng chiếm bao nhiêu của cả nước?

- A. 51,1% diện tích và 51,4% sản lượng B. 51,4% diện tích và 51,1% sản lượng.
C. 54,4% diện tích và 51,4% sản lượng D. 51,1% diện tích và 54,4% sản lượng

Câu 37: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là:

- A. Dầu khí, phân bón, năng lượng
B. Dệt – may, da- giày, gốm sứ
C. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao
D. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí

Câu 38: Nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?

- A. Sông Sài Gòn. B. Sông Đồng Nai.
C. Sông Bé. D. Sông Xê Xan.

Câu 39: Năm 2002, diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 3 834 800 ha, chiếm bao nhiêu % diện tích trồng lúa của cả nước? (biết rằng năm 2002, diện tích trồng lúa của cả nước là 7 504 300 ha).

- A. 50,1%. B. 49,1%. C. 51,1%. D. 195,7%.

Câu 40: Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số của Đông Nam Bộ qua các năm 2011 và 2016

Các năm	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
2011	23.597,9	14.799,6
2016	23.552,6	16.424,3

Dựa vào số liệu ta biết được mật độ dân số của Đông Nam Bộ lần lượt là

- A. 641,2 và 669,0 B. 641,2 và 697,0 C. 627,2 và 697,3 D. 627,2 và 655,3

----- HẾT -----

